CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VỆ SINH CÔNG NGHIỆP ĐÀ NẴNG SONGANHHYG

PHIẾU THÔNG SỐ KỸ THUẬT (TDS) — Viper 50EC (Viper 500EC)

Bản chuẩn hóa Thông số Kỹ thuật (TDS) SONGANHHYG tổng hợp từ Công bố chính thức VIPESCO & Nhãn sau chai Viper 500EC (VNDP-HC-580-12-19)

SAH-APR-PCS-07
HẠNG C • CHỈ KTV



Viper 50EC (Viper 500EC)

Thương hiệu / Xuất xứ: Vipesco — Việt Nam (SX & ĐK: Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Việt Nam — VIPESCO, 102 Nguyễn Đình Chiểu, Q.1, TP.HCM)

Số ĐKLH Bộ Y tế / BVTV: `VNDP-HC-580-12-19 (Bộ Y tế – Cục Quản lý Môi trường Y tế, xác thực trên nhãn sau chai)` • **Dạng thuốc:** EC (Nhũ dầu đậm đặc / Emulsifiable Concentrate)

Quy cách đóng gói: Chai nhựa 1 Lít (1000 mL), hạn dùng 2 năm kể từ ngày sản xuất

Đối tượng kiểm soát: Ruồi, muỗi trong gia dụng và y tế

Nguồn tham chiếu gốc: https://vipesco.com.vn/san-pham/thuoc-ktst---phan-bon/viper-500ec.html

1. Thông số Lý hóa, Hoạt chất & Pháp lý Lưu hành

Hoạt chất & Số CAS	**Permethrin 50% w/v (500 g/L; phụ gia & dung môi vừa đủ 100%)** • CAS: 52645-53-1
Trạng thái, Màu & Mùi	Dung dịch nhũ dầu (EC) màu vàng nhạt, mùi đặc trưng
Độ pH tiêu chuẩn	4,0 – 6,5 (nhũ tương pha loãng)
Điểm chớp cháy / An toàn cháy	~44–50°C (tránh lửa trần & nguồn nhiệt)
Tỷ trọng / Độc tính & Hạn dùng	~1,04 g/cm³ (Permethrin 50% w/v) • 02 năm kể từ ngày sản xuất (UN 3082, Class 9 PG III)
Phân loại nguy hại GHS	**Warning (Cảnh báo)** — Flammable Liquid Cat. 3 (H226), Acute Tox. Oral/Inhalation Cat. 4 (H302/H332), Skin Sens. 1 (H317), Aquatic Acute/Chronic Cat. 1 (H400/H410); UN 3082

2. Định mức Pha chế & Phương pháp Ứng dụng Chuẩn Nhà sản xuất

Phương pháp / Chế độ	Tỷ lệ pha / Liều lượng	Định mức diện tích & Hiệu lực tồn lưu
Phun tồn lưu trừ ruồi, muỗi	**20 mL Viper 500EC / 1 Lít nước sạch**	Phun toàn bộ 1 Lít dung dịch pha cho 20 m² bề mặt (tồn lưu muỗi 1 tháng: tường gạch 68%, tường gỗ 61%; ruồi 10 ngày)
Phun ULV lạnh trừ muỗi	**1 Lít Viper 500EC + 10 Lít nước**	Phun 20 mL dung dịch pha cho 1 nhà thể tích 200 m³, hoặc 500 mL dung dịch pha cho 1 ha ngoài trời
Phun ULV nhiệt (mù nóng) trừ muỗi	**1 Lít Viper 500EC + 100 Lít dầu Diesel**	Phun 02 Lít dung dịch pha cho 1 ha (10.000 m²) ngoại vi ngoài trời

3. Khóa An toàn Hiện trường, PPE, Cách ly & Giải độc

Khóa định lượng & Cấp phát	Cốc chia vạch chuẩn 20–1000 mL khóa định mức tại khu vực thông gió; phun ULV nhiệt chỉ thực hiện ngoài trời bằng máy chuyên dụng • **Chỉ Kỹ thuật viên Kiểm soát Côn trùng đã đào tạo SAH-CHM-08 & có Lệnh công tác (CẤM tạp vụ sử dụng)**
Khu vực ĐƯỢC PHÉP	Văn phòng ngoài giờ, trường học, bệnh viện, nhà hàng, khách sạn, bãi rác, cống rãnh ngoại vi (khi không có người)
Khu vực BỊ CẤM / Hạn chế	**CẤM phun khi còn người, vật nuôi, thực phẩm hở; CẤM phun ULV nhiệt trong phòng kín hoặc gần nguồn lửa; CẤM xả xuống ao hồ thủy sản**
PPE & Thời gian cách ly	**PPE:** Kính bảo hộ, khẩu trang lọc hơi hữu cơ, găng tay cao su chịu dung môi, quần áo bảo hộ dài tay, ủng cao su • **Cách ly bắt buộc: Ít nhất 30 phút sau khi phun theo nhãn NSX (khuyến nghị SONGANHHYG 45–60 phút thông gió sạch mùi trước bàn giao)**
Thuốc giải độc & Sơ cứu	Không có thuốc giải độc đặc hiệu (điều trị theo triệu chứng). Mắt: Rửa ngay dưới vòi nước sạch >= 15 phút. Da: Cởi đồ bẩn, rửa xà phòng & nước sạch. Hít phải: Đưa ra nơi thoáng khí. Nuốt phải: KHÔNG tự gây nôn, đưa ngay tới cơ sở y tế kèm nhãn chai Viper 500EC.

Lưu ý kiểm định kỹ thuật SONGANHHYG: Hỗ trợ đủ cả 3 phương pháp phun tồn lưu, ULV lạnh và ULV nhiệt dầu Diesel theo công bố chính thức VIPESCO. Tuyệt đối tuân thủ thời gian cách ly **Ít nhất 30 phút sau khi phun theo nhãn NSX (khuyến nghị SONGANHHYG 45–60 phút thông gió sạch mùi trước bàn giao)** và thông báo Ban Quản lý tòa nhà trước khi triển khai.